

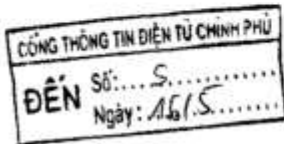
7701(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2014



NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,
Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này hướng dẫn chi tiết Điều 19, Điều 22 và Điều 23 của Luật Khoa học và công nghệ về chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài khoa học và công nghệ, ưu đãi trong sử dụng nhân lực, nhân tài hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ

1. Tạo điều kiện, môi trường làm việc thuận lợi cho cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ phát huy tối đa năng lực và được hưởng lợi ích xứng đáng với kết quả hoạt động khoa học và công nghệ.
2. Bảo đảm đúng đối tượng, tạo điều kiện cho nhân tài thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng để phát huy tài năng và được hưởng lợi ích xứng đáng với nhiệm vụ đảm nhận.
3. Nhà nước bảo đảm nguồn lực để thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

Chương II
CHỨC DANH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHỨC DANH CÔNG NGHỆ
VÀ ƯU ĐÃI CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ

1. Chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ:

a) Chức danh nghiên cứu khoa học (sau đây gọi tắt là chức danh khoa học) gồm: Trợ lý nghiên cứu, nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp;

b) Chức danh công nghệ gồm: Kỹ thuật viên và tương đương, kỹ sư và tương đương, kỹ sư chính và tương đương, kỹ sư cao cấp và tương đương.

2. Hạng chức danh nghề nghiệp đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ:

a) Hạng chức danh khoa học gồm: Chức danh khoa học hạng IV là trợ lý nghiên cứu, chức danh khoa học hạng III là nghiên cứu viên, chức danh khoa học hạng II là nghiên cứu viên chính, chức danh khoa học hạng I là nghiên cứu viên cao cấp;

b) Hạng chức danh công nghệ gồm: Chức danh công nghệ hạng IV là kỹ thuật viên và tương đương, chức danh công nghệ hạng III là kỹ sư và tương đương, chức danh công nghệ hạng II là kỹ sư chính và tương đương, chức danh công nghệ hạng I là kỹ sư cao cấp và tương đương.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành tiêu chuẩn các chức danh khoa học và chức danh công nghệ là kỹ thuật viên, kỹ sư, kỹ sư chính và kỹ sư cao cấp sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công nghệ trong từng lĩnh vực công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý, tương đương với kỹ thuật viên, kỹ sư, kỹ sư chính, kỹ sư cao cấp sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ.

Điều 5. Xét công nhận, bổ nhiệm chức danh khoa học, chức danh công nghệ

1. Việc xét công nhận, bổ nhiệm chức danh khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2. Cá nhân có thành tích trong hoạt động khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm được xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng IV, hạng III không phải qua tập sự, được xếp vào bậc lương phù hợp với trình độ đào tạo theo quy định.

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ quyết định việc xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ quy định tại Khoản này.

3. Việc xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ ngoài quy định tại Khoản 2 Điều này đối với cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định sau khi thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết về thành tích khoa học và công nghệ, quy trình xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 6. Đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác

1. Người đang giữ hạng chức danh khoa học, hạng chức danh công nghệ tại các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ, đáp ứng tiêu chuẩn của hạng chức danh cao hơn được xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh khoa học, hạng chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác nếu trong thời gian giữ hạng chức danh đạt một trong các điều kiện sau:

a) Đạt giải thưởng quốc tế, giải thưởng uy tín trong nước về khoa học và công nghệ;

b) Chủ trì hoặc thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng được nghiệm thu ở mức đạt trở lên hoặc chủ trì công trình khoa học và công nghệ được ứng dụng mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội;

c) Được cấp bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học;

d) Được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

2. Việc đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác chỉ áp dụng một lần đối với một cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đang giữ hạng chức danh.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm đặc cách vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng II không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác trên cơ sở đề xuất của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm đặc cách vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác trên cơ sở đề xuất của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cụ thể về điều kiện, quy trình xét bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác.

Điều 7. Nâng lương vượt bậc đối với cá nhân có thành tích trong hoạt động khoa học và công nghệ

1. Người được bổ nhiệm chức danh khoa học, chức danh công nghệ trong đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ được nâng vượt bậc lương trong cùng hạng chức danh nếu không vi phạm kỷ luật và đạt một trong các điều kiện sau:

a) Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã được nghiệm thu và được ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội;

b) Được tặng Huân chương của Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng;

c) Được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động;

d) Được tặng danh hiệu Chiến sỹ Thi đua toàn quốc.

2. Cá nhân đạt điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này được nâng lương vượt bậc không quá 02 bậc lương trong cùng hạng chức danh và không thực hiện nâng lương vượt bậc 02 lần liên tiếp.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nâng lương vượt bậc đối với chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I, hạng II.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ quyết định nâng lương vượt bậc đối với các hạng chức danh khoa học, chức danh công nghệ khác theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 8. Điều kiện làm việc

Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được tạo các điều kiện làm việc sau đây:

1. Được tạo điều kiện thuận lợi về phương tiện, trang thiết bị, vật tư, phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm và các điều kiện cần thiết khác từ kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức có hoạt động khoa học và công nghệ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Được Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương xem xét hỗ trợ kinh phí tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; công bố kết quả khoa học và công nghệ trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng, trừ trường hợp kinh phí thực hiện các nội dung nêu trên đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Được các thư viện, tổ chức thông tin khoa học và công nghệ công lập tạo điều kiện tiếp cận thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ để thực hiện nhiệm vụ.

4. Cá nhân được bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I trong các đơn vị sự nghiệp công lập được hỗ trợ kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, trừ trường hợp kinh phí này đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Điều 9. Kéo dài thời gian công tác khi đủ tuổi nghỉ hưu

1. Cá nhân giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xem xét kéo dài thời gian công tác để nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và không giữ chức vụ quản lý nếu đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là giáo sư; phó giáo sư; người giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I là tiến sĩ khoa học; người giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I; người giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng II là tiến sĩ;

b) Có đủ sức khỏe và có nguyện vọng được kéo dài thời gian công tác;

c) Tổ chức khoa học và công nghệ có nhu cầu và chấp thuận.

2. Thời gian công tác kéo dài đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này như sau:

a) Không quá 10 năm đối với giáo sư; người giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I là tiến sĩ khoa học;

b) Không quá 7 năm đối với phó giáo sư; người giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I;

c) Không quá 5 năm đối với người giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng II là tiến sĩ.

3. Trong thời gian công tác kéo dài, các đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này được hưởng lương, các chế độ, chính sách theo quy định và có quyền đề nghị nghỉ làm việc để hưởng chế độ nghỉ hưu.

4. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xem xét, kéo dài thời gian công tác:

a) Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ căn cứ định hướng phát triển và tình hình nhân lực của tổ chức, thông báo chủ trương và nhu cầu kéo dài thời gian công tác;

b) Cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm a và b Khoản 1 Điều này có đơn đề nghị kéo dài thời gian công tác, gửi thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 09 tháng;

c) Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ xem xét, đánh giá các điều kiện của người có nguyện vọng được kéo dài thời gian công tác;

d) Hồ sơ đề nghị kéo dài thời gian công tác gửi đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 07 tháng;

Hồ sơ đề nghị kéo dài thời gian công tác gồm có: Đơn đề nghị kéo dài thời gian công tác của cá nhân; giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định; văn bản đề nghị kéo dài thời gian công tác của tổ chức khoa học và công nghệ nơi cá nhân làm việc;

đ) Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định việc kéo dài thời gian công tác của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

e) Quyết định kéo dài thời gian công tác được gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan biết trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 06 tháng.

Điều 10. Ưu đãi cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có chức danh giáo sư, phó giáo sư

Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có chức danh giáo sư, phó giáo sư trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được hưởng các chính sách, chế độ như người có chức danh tương đương trong cơ sở giáo dục đại học công lập nếu các chính sách, chế độ đó có lợi hơn.

Chương III

ĐÀO TẠO NHÂN LỰC, BỒI DƯỠNG NHÂN TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 11. Quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển khoa học và công nghệ của đơn vị, các tổ chức khoa học và công nghệ xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ 05 năm và hằng năm, gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp.

2. Căn cứ quy hoạch phát triển nhân lực của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trên cơ sở tổng hợp kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Căn cứ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực quốc gia, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ và trên cơ sở tổng hợp kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ quốc gia.

4. Trong kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ quốc gia, ưu tiên cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là nữ.

Điều 12. Kế hoạch đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài khoa học và công nghệ

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức khoa học và công nghệ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ quốc gia và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của mình.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành có liên quan xác định các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm trong từng thời kỳ, làm căn cứ cho các cơ sở giáo dục đại học tuyển sinh, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ quản lý chuyên ngành xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực trình độ đại học, sau đại học phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ quốc gia và các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm; tổ chức và quản lý việc đào tạo theo định hướng phát triển từng ngành, lĩnh vực.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài cho cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; kế hoạch đào tạo các nhóm nghiên cứu xuất sắc theo lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.

5. Các cơ sở giáo dục đại học có chuyên ngành đào tạo thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm được Nhà nước tạo điều kiện nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm.

6. Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các địa phương để đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của Bộ, ngành, địa phương.

Điều 13. Đào tạo, bồi dưỡng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nội dung và hình thức đào tạo, bồi dưỡng:

a) Đào tạo bằng cấp tại các cơ sở giáo dục đại học;

b) Đào tạo theo nhóm nghiên cứu;

c) Đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm, lĩnh vực khoa học và công nghệ mới;

d) Nghiên cứu sau tiến sĩ;

đ) Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ.

Việc đào tạo, bồi dưỡng thực hiện thông qua các hình thức ngắn hạn, dài hạn ở trong nước và nước ngoài; thực tập, làm việc có thời hạn tại các tổ chức khoa học và công nghệ uy tín trong nước và nước ngoài; tham gia triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện đào tạo theo bằng cấp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại các Điểm b, c, d và đ Khoản 1 Điều này.

Điều 14. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ bố trí khoản kinh phí thích hợp từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định này.

2. Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất phương án phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gửi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đã được phân bổ.

Chương IV

TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1

TRỌNG DỤNG NHÀ KHOA HỌC ĐẦU NGÀNH

Điều 15. Tiêu chuẩn nhà khoa học đầu ngành

1. Các lĩnh vực được xem xét để lựa chọn nhà khoa học đầu ngành xác định theo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

2. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được xem xét, công nhận là nhà khoa học đầu ngành nếu đáp ứng đồng thời các tiêu chuẩn sau:

a) Đứng đầu về chuyên môn của bộ môn khoa học, phòng thí nghiệm hoặc tương đương trong các đại học quốc gia, đại học vùng, trường đại học trọng điểm và các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền thành lập được quy định tại các Điểm a, b và đ Khoản 1 Điều 12 Luật Khoa học và công nghệ;

b) Có trình độ tiến sĩ trở lên;

c) Hằng năm, thực hiện một trong các hoạt động sau: Chủ trì hoặc có báo cáo chính thức tại các hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành; giảng dạy tại trường đại học hoặc nghiên cứu tại tổ chức khoa học và công nghệ có uy tín ở nước ngoài;

d) Trong 03 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ xét chọn nhà khoa học đầu ngành, là tác giả chính của ít nhất 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có uy tín, hoặc chủ biên 01 sách chuyên khảo, hoặc là tác giả của 01 sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ và được ứng dụng, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội;

đ) Chủ trì thực hiện thành công ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt;

e) Sử dụng thành thạo ít nhất 01 ngoại ngữ phục vụ công tác chuyên môn và giao tiếp được bằng tiếng Anh;

g) Được ít nhất 3/4 thành viên Ban chấp hành Hội khoa học chuyên ngành (được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội) thống nhất đề xuất công nhận là nhà khoa học đầu ngành.

Điều 16. Quy trình lựa chọn, công nhận nhà khoa học đầu ngành

1. Cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 15 Nghị định này nộp hồ sơ xét công nhận nhà khoa học đầu ngành tại tổ chức khoa học và công nghệ nơi công tác. Tổ chức khoa học và công nghệ thẩm định và gửi kết quả kèm theo hồ sơ của cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn nhà khoa học đầu ngành đến Hội khoa học chuyên ngành.

2. Ban Chấp hành Hội khoa học chuyên ngành tổ chức đánh giá chuyên môn, đề xuất công nhận nhà khoa học đầu ngành thông qua hình thức bỏ phiếu kín.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ hồ sơ của cá nhân và đề xuất của Hội khoa học chuyên ngành, quyết định công nhận nhà khoa học đầu ngành và gửi danh sách về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 7 hằng năm để tổng hợp.

Điều 17. Nhiệm vụ của nhà khoa học đầu ngành

1. Nhiệm vụ chung:

a) Phát triển hướng nghiên cứu mới của ngành;

b) Phát triển ngành khoa học đạt trình độ quốc tế;

c) Đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ kế cận của ngành;

d) Đại diện cho ngành phối hợp với các ngành khoa học khác trong nước và đại diện cho ngành trong quan hệ hợp tác, trao đổi khoa học với giới khoa học nước ngoài.

2. Nhiệm vụ cụ thể:

a) Kể từ khi được công nhận là nhà khoa học đầu ngành, trung bình mỗi năm phải đạt được một trong các kết quả sau đây: Có ít nhất 01 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có uy tín; có ít nhất 03 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước có uy tín; có ít nhất 01 sách chuyên khảo hoặc giáo trình giảng dạy sau đại học; có ít nhất 01 sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ hoặc có công nghệ, giải pháp kỹ thuật được ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội;

b) Hằng năm, phải chủ trì ít nhất 01 hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành;

c) Trong 03 năm, chủ trì thực hiện và được nghiệm thu ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

d) Hằng năm, trực tiếp tham gia đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ và hướng dẫn học viên sau đại học;

đ) Tham gia xây dựng, tư vấn, đánh giá, phản biện về chính sách phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực, quốc gia; giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất của ngành;

e) Tham gia tuyển chọn, nghiệm thu, phản biện độc lập các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh.

Điều 18. Chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành

Nhà khoa học đầu ngành được hưởng các ưu đãi sau:

1. Được cấp kinh phí hằng năm theo đề xuất từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương để thực hiện các hoạt động của nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc lĩnh vực chuyên môn.

2. Được hỗ trợ kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm trọng điểm khác để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, trừ trường hợp kinh phí này đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

3. Được hỗ trợ kinh phí để công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế và giống cây trồng; xuất bản công trình khoa học có giá trị cao về khoa học và thực tiễn.

4. Được hỗ trợ kinh phí tham dự hội thảo khoa học chuyên ngành ở trong nước và nước ngoài; số lần tham dự hội thảo khoa học ở nước ngoài không quá 02 lần/năm, trừ trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

5. Được hỗ trợ kinh phí tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành tại Việt Nam.

6. Được hưởng ưu đãi hàng tháng bằng 100% mức lương hiện hưởng.

7. Được hưởng các chính sách quy định tại Chương II Nghị định này và các ưu đãi khác quy định tại Điều 23 Luật Khoa học và công nghệ.

Điều 19. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành

1. Kinh phí thực hiện các nội dung trọng dụng nhà khoa học đầu ngành được bố trí từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Hằng năm, các tổ chức khoa học và công nghệ có nhà khoa học đầu ngành dự toán kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định phân bổ.

3. Cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm cấp đủ kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành. Nhà khoa học đầu ngành có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích và theo dự toán được phê duyệt.

Điều 20. Không tiếp tục công nhận, hủy công nhận nhà khoa học đầu ngành

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ định kỳ giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhà khoa học đầu ngành để xem xét việc tiếp tục công nhận, không tiếp tục công nhận hoặc hủy công nhận nhà khoa học đầu ngành.

2. Nhà khoa học đầu ngành không được tiếp tục công nhận nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Thôi giữ vị trí đứng đầu về chuyên môn trong tổ chức khoa học và công nghệ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 15 Nghị định này;

b) Không hoàn thành nhiệm vụ quy định tại các Điểm a và b Khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

3. Hủy công nhận nhà khoa học đầu ngành nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Thiếu trung thực trong kê khai hồ sơ làm sai lệch kết quả xét công nhận nhà khoa học đầu ngành;

b) Vi phạm quy định tại Điều 8 Luật Khoa học và công nghệ.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền quyết định việc không tiếp tục công nhận hoặc huỷ công nhận nhà khoa học đầu ngành và thông báo với Bộ Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp.

5. Nhà khoa học không được tiếp tục công nhận hoặc bị huỷ công nhận là nhà khoa học đầu ngành không được hưởng chính sách ưu đãi quy định tại Điều 18 Nghị định này kể từ khi có quyết định không tiếp tục công nhận hoặc huỷ công nhận.

6. Nhà khoa học đầu ngành bị huỷ công nhận không được xét công nhận trong các lần tiếp theo và phải hoàn trả khoản kinh phí đã được hưởng quy định tại Điều 18 Nghị định này.

Mục 2

TRỌNG DỤNG NHÀ KHOA HỌC ĐƯỢC GIAO CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA ĐẶC BIỆT QUAN TRỌNG

Điều 21. Chính sách trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng

Trong thời gian được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, nhà khoa học được hưởng các ưu đãi sau:

1. Được chủ động sử dụng kinh phí được giao theo phương thức khoán chi theo quy định để thực hiện nhiệm vụ với các nội dung sau:

a) Tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm và các hoạt động khác có liên quan;

b) Trả tiền lương, tiền công theo thỏa thuận cho các nhà khoa học trực tiếp tham gia và nhân lực gián tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ;

c) Mua tài liệu khoa học, sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ;

d) Công bố và đăng ký kết quả nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài;

đ) Tham dự hội thảo khoa học quốc tế ở nước ngoài hoặc tổ chức hội thảo khoa học quốc tế tại Việt Nam có liên quan;

e) Thuê đất và cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ;

g) Mua sắm trang thiết bị, vật tư khoa học phục vụ nhiệm vụ trong trường hợp đặc biệt;

h) Các hoạt động khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Được chủ động bố trí, sử dụng nhân lực thực hiện nhiệm vụ được giao:

a) Đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều động nhân lực khoa học và công nghệ, huy động các tổ chức khoa học và công nghệ tham gia thực hiện nhiệm vụ;

b) Thuê hoặc mời chuyên gia trong nước và nước ngoài tư vấn hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ.

3. Được hưởng mức lương tương đương chuyên gia cao cấp bậc 3 và hưởng ưu đãi hàng tháng bằng 100% mức lương trước thời điểm được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng.

4. Được sử dụng miễn phí các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện nhiệm vụ.

5. Được tiếp cận thông tin, tư liệu từ các thư viện điện tử, thư viện kỹ thuật quan trọng.

6. Được bố trí phương tiện đi lại, nhà ở công vụ.

7. Được hưởng các chính sách quy định tại Chương II Nghị định này và các ưu đãi khác quy định tại Điều 23 Luật Khoa học và công nghệ.

Điều 22. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng

1. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng dự toán, bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng.

Mục 3

TRỌNG DỤNG NHÀ KHOA HỌC TRẺ TÀI NĂNG

Điều 23. Tiêu chuẩn nhà khoa học trẻ tài năng

Nhà khoa học trẻ tài năng là cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ dưới 35 tuổi, có trình độ tiến sĩ trở lên và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Chủ trì công trình đạt giải thưởng uy tín về khoa học và công nghệ trong nước hoặc quốc tế.

2. Là tác giả chính ít nhất 05 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế có uy tín; hoặc chủ biên ít nhất 03 sách chuyên khảo; hoặc là tác giả của ít nhất 02 sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ trong đó có ít nhất 01 sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

Điều 24. Chính sách trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng

Nhà khoa học trẻ tài năng được hưởng các ưu đãi sau:

1. Được xét tuyển dụng đặc cách không qua thi vào làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập và được hưởng hệ số lương 5,08 (tương đương bậc 3/8 ngạch chuyên viên chính).

2. Được ưu tiên cử tham gia các chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ chuyên ngành khoa học và công nghệ tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài; được ưu tiên cử đi thực tập, làm việc có thời hạn tại các tổ chức khoa học và công nghệ ở nước ngoài; được ưu tiên giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng thuộc lĩnh vực chuyên môn.

3. Được tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ xem xét giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước để thành lập hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Được xem xét hỗ trợ kinh phí sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, trừ trường hợp kinh phí này đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

5. Được hỗ trợ kinh phí công bố kết quả khoa học và công nghệ, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế và giống cây trồng ở trong nước và nước ngoài, trừ trường hợp kinh phí này đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

6. Được hưởng các chính sách quy định tại Chương II Nghị định này và các ưu đãi khác quy định tại Điều 23 Luật Khoa học và công nghệ.

Điều 25. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng

1. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng quy định tại Điều 24 Nghị định này được bố trí từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ trong dự toán giao cho tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Trường hợp nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng được cấp từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Là đầu mối chủ trì tổ chức triển khai thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tổng hợp tình hình thực hiện chính sách xét tuyển đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng I không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác đối với cá nhân có thành tích xuất sắc theo quy định tại Nghị định này gửi Bộ Nội vụ.

4. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và hướng dẫn cơ chế tài chính để thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

5. Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định này.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành bộ tiêu chuẩn chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ nêu tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định này và hướng dẫn thực hiện chính sách có liên quan quy định tại Nghị định này.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các nội dung về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định này.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và hướng dẫn cơ chế tài chính để thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Hằng năm, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trình cấp có thẩm quyền quyết định trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 30. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định này.

2. Hằng năm, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, gửi Bộ Tài chính.

3. Báo cáo tình hình thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm để tổng hợp, theo dõi.

Điều 31. Trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ

1. Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định này.

2. Hằng năm, tổ chức khoa học và công nghệ công lập báo cáo cơ quan chủ quản tình hình thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập vận dụng quy định tại Nghị định này để áp dụng đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ thuộc quyền quản lý và sử dụng.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).KN 240

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng